

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 210/2021/DS-PT

Ngày: 23/11/2021

V/v: “*Tranh chấp về chia thừa kế
yêu cầu hủy văn bản thỏa thuận
phân chia tài sản thừa kế và yêu
cầu hủy quyết định cá biệt*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- T phân Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Công Thi

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tào và bà Lê Thúy Cầu

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Trang, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Trần Viết Tuấn, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 186/2021/TLPT-DS ngày 31 tháng 5 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp về chia thừa kế yêu cầu hủy văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế và yêu cầu hủy quyết định cá biệt*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-PT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 353/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Cẩm N, sinh năm 1960. Địa chỉ: thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Có mặt

Bị đơn:

1. Ông Lê H, sinh năm 1960. Địa chỉ: thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Có mặt

2. Ông Lê T, đã mất;

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T:

Bà Trương Thị Lệ T (có đơn xin xét xử vắng mặt); ông Lê Nguyên Q (vắng mặt); ông Lê Nguyễn K (có mặt). Cùng địa chỉ: thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê S, sinh năm 1957. Địa chỉ: Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

2. Bà Lê Thị H, sinh năm 1945. Địa chỉ: thành phố H, tỉnh Quảng Nam. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ Lê Kiều O, sinh năm 1972. (có mặt).

3. Bà Lê Thị T (đã chết);

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà T:

Ông Lâm Tường B; ông Lâm Tường H; ông Lâm Tường N. Cùng địa chỉ: Hồ Chí Minh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

4. Ông Lê T, sinh năm 1951. Địa chỉ: Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Cẩm N.

5. Bà Lê Thị Bích H, sinh năm 1955. Địa chỉ: Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Lê S. Địa chỉ: Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

6. Bà Lê Thị Túy N, sinh năm 1958. Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Cẩm N.

7. Bà Lê Thị Phi L, sinh năm 1962. Địa chỉ: thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Ông Lê S, sinh năm 1957. Địa chỉ: Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

8. Ông Lê C (đã chết);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông C:

Bà Lê Thị Ánh L. Địa chỉ: tỉnh Đồng Nai. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

9. Bà Lê Thị N Y, sinh năm 1953. Địa chỉ: Denmark. (vắng mặt)

10. Bà Lê Thị Bích T, sinh năm 1970. Địa chỉ: Denmark. (vắng mặt)

11. Ông Lê H, sinh năm 1972. Địa chỉ: Denmark. (vắng mặt)

12. Bà Châu Thị T, sinh năm 1935.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Ông Lê H. Cùng địa chỉ: thành phố H, tỉnh Quảng Nam. (có mặt)

13. Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Địa chỉ: thành phố H,

tỉnh Quảng Nam. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

14. Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam. Địa chỉ: tỉnh Quảng Nam. (vắng mặt)

15. Phòng Công chứng số 2, tỉnh Quảng Nam (Đã giải thể). Địa chỉ: thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của Phòng Công chứng số 2 tỉnh Quảng Nam: Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam. Địa chỉ: tỉnh Quảng Nam. (vắng mặt)

16. Bà V Thị T T. Địa chỉ: số 20, Đường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. (có mặt)

17. Bà Trương Thị Lệ T. Địa chỉ: số 58, Đường B, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

18. Bà Lê Thị T, sinh năm 1965 (tên gọi khác là Huỳnh Thị T). Địa chỉ: thành phố H, tỉnh Quảng Nam. (có mặt)

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Lê H; ông Lê T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được xác định như sau:

Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Cẩm N đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Lê Thị T, ông Lê T, bà Lê Thị Túy N trình bày:

Cha bà là ông Lê V (chết năm 2006), mẹ là bà Hồ Thị L (chết năm 2007), bà nội là bà Nguyễn Thị B (chết từ rất lâu). Ông Lê V, bà Hồ Thị L, bà Nguyễn Thị B chết không để lại di chúc. Ngoài ra, quá trình chung sống ông Lê V có lấy thêm vợ hai là bà Châu Thị T. Ông Lê V, bà Hồ Thị L và bà Châu Thị T đều sống chung trong 01 nhà. Quá trình sống chung giữa ông Lê V, bà Hồ Thị L và bà Châu Thị T có những người con gồm:

- Giữa ông Lê V và bà Hồ Thị L có 08 người con chung là: Bà Lê Thị H, bà Lê Thị T, ông Lê T, bà Lê Thị Bích H, ông Lê S, bà Lê Thị Túy N, bà Lê Thị Cẩm N và bà Lê Thị N Y.

- Giữa ông Lê V và bà Châu Thị T có 06 người con chung là: Ông Lê H, bà Lê Thị Phi L, ông Lê C, ông Lê T, bà Lê Thị Bích T và ông Lê H.

Ngoài ra ông Lê V có con riêng là bà Lê Thị T (Huỳnh Thị T), bà Hồ Thị L không có con riêng hay con nuôi nào khác.

Đối với bà B có hai người con là ông Lê V là con riêng của chồng và một người con gái thường gọi là Cô Mười đã chết từ nhỏ, không có chồng con.

Quá trình sinh sống giữa ông Lê V và bà Hồ Thị L có tạo lập được khối tài sản chung là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất là nhà có địa chỉ tại số 58 Đường B, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 582448 do UBND thành phố H cấp ngày 11/8/2005.

Quá trình sinh sống giữa ông Lê V và bà Nguyễn Thị B có tạo lập được khối tài sản chung là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất là nhà có địa chỉ tại số 20 T, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 232066 do UBND thành phố H cấp ngày 28/7/2005.

Ngày 14/6/2013, bà Lê Thị Cẩm N cùng 10 người anh, chị, em của bà gồm bà Lê Thị H, bà Lê Thị T, ông Lê T, bà Lê Thị Bích H, ông Lê S, bà Lê Thị Túy N, ông Lê H, bà Lê Thị Phi L, ông Lê C và ông Lê T đã lập 02 Văn bản thỏa thuận chia di sản thừa kế của ông Lê V, bà Hồ Thị L và bà Nguyễn Thị B được công chứng chứng thực và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh thay đổi, xác định quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà cho 11 người con nêu trên của ông Lê V, bà Hồ Thị L. Do bất đồng trong cách quản lý tài sản chung và chia tài sản chung, ông Lê H và ông Lê T là hai người đang quản lý sử dụng hai căn nhà trên không thống nhất về cách quản lý và chia tài sản nên bà Lê Thị Cẩm N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xem xét, giải quyết các nội dung gồm:

Thứ nhất: Yêu cầu Tòa án chia thừa kế di sản của ông Lê V, bà Nguyễn Thị B và bà Hồ Thị L cho 14 người con chung, 01 người con riêng của ông V và 1 mẹ kế là bà T. Cụ thể tài sản chia gồm: Di sản của ông Lê V và bà Hồ Thị L là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất là nhà có địa chỉ tại số 58 B, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 582448 do UBND thành phố H cấp ngày 11/8/2005; Di sản của ông Lê V và di sản ông V được thừa kế của bà Nguyễn Thị B là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất là nhà có địa chỉ tại số 20 T, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 232066 do UBND thành phố H cấp ngày 28/7/2005.

Thứ hai: Yêu cầu Tòa án hủy 02 Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế. Đồng thời yêu cầu hủy phần chỉnh lý biến động của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ thể là: Yêu cầu hủy Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế được công chứng số 1195, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/6/2013 tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh Quảng Nam. Theo đó yêu cầu hủy phần chỉnh lý biến động được xác lập vào ngày 25/6/2013 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 232066 do UBND thành phố H cấp ngày 28/7/2005; Yêu cầu hủy Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế được công chứng số 1196,

quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/6/2013 tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh Quảng Nam. Theo đó yêu cầu hủy phần chỉnh lý biến động được xác lập vào ngày 25/6/2013 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 582448 do UBND thành phố H cấp ngày 11/8/2005.

Về cách chia thừa kế: Tại phiên tòa hôm nay bà N yêu cầu chia di sản của ông Lê V thành 17 suất đều nhau, cho người hưởng thừa kế gồm 14 người con chung, 01 người con riêng và 02 người vợ là bà Hồ Thị L và bà Châu Thị T. Còn phần tài sản của bà Hồ Thị L thì chia cho 14 người con, không chia cho bà T, bà T.

Về giá trị tài sản để chia thừa kế theo Chứng thư thẩm định giá ngày 30/12/2020 của Công ty cổ phần tư vấn tài chính và giá cả Quảng Nam thì tổng giá trị các tài sản được định giá là 20.843.640.000 đồng. Tại phiên tòa các đồng thừa kế ưu tiên cho ông H và ông T nhận nhà và thời trả giá trị cho các đồng thừa kế, nhưng nếu ông T, ông H không đồng ý nhận nhà, thì nguyên đơn sẽ nhận nhà và thời trả giá trị cho các đồng thừa kế.

Về số tiền chi phí ông H, ông T đã bỏ ra sửa chữa nhà tại số 20, T và nhà số 58 B, phường M, thành phố H: Nguyên đơn đồng ý thời trả các chi phí ông H, ông T đã bỏ ra để sửa chữa hai căn nhà trên với một khoản chi phí hợp lý có chứng từ. Riêng đối với phần công sức quản lý, bảo quản hai ngôi nhà trên nguyên đơn và đại diện cho một số anh chị em không đồng ý vì hai căn nhà này nằm trên vị trí thuận lợi cho việc buôn bán tại Phố cổ H tạo ra thu nhập lớn nên không tính công sức bảo quản, quản lý nhà cho ông H và ông T.

Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án, bị đơn ông Lê H đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Châu Thị T trình bày:

Ông H thống nhất với trình bày của nguyên đơn về số di sản yêu cầu chia thừa kế, về số người được hưởng thừa kế. Cụ thể là: Cha ông là ông Lê V (*chết năm 2006*), mẹ cả (Vợ thứ nhất của cha ông) là bà Hồ Thị L (*chết năm 2007*), mẹ hai là bà Châu Thị T (Vợ thứ hai của cha ông và là mẹ ruột của ông), bà nội là bà Nguyễn Thị B (*chết từ rất lâu trước năm 1960*). Ông Lê V, bà Hồ Thị L và bà Châu Thị T đều sống chung trong 1 nhà, quá trình sống chung ông và các anh chị em đều xem bà Hồ Thị L là mẹ và có công nuôi dưỡng và chăm sóc lẫn nhau như mẹ con. Giữa ông Lê V và bà Hồ Thị L có 08 người con chung là: Bà Lê Thị H, bà Lê Thị T, ông Lê T, bà Lê Thị Bích H, ông Lê S, bà Lê Thị Túy N, bà Lê Thị Cẩm N và bà Lê Thị N Y. Giữa Ông Lê V và bà Châu Thị T có 06 người con chung gồm: Ông Lê H, bà Lê Thị Phi L, ông Lê C, ông Lê T, bà Lê Thị Bích T và ông Lê H. Ngoài ra ông Lê V và bà Hồ Thị L không có con riêng hay

con nuôi nào khác. Ông Lê V, bà Hồ Thị L, bà Nguyễn Thị B chết đều không để lại di chúc.

Đối với bà Nguyễn Thị B thì ông H biết bà Nguyễn Thị B chết trước năm 1960, bà B là mẹ kế của ông V. Bà B có 01 người con gái thường gọi là Cô Mươi tên là Lê Thị Dận sinh năm 1930, chết vào năm 1945, bà Dận không có chồng con. Về quan hệ giữa bà B và ông V thì ông biết được bà B xem ông V như con và chỉ có ông V xem bà B là mẹ, có quan hệ chăm sóc, nuôi dưỡng lẫn nhau và khi còn sống cha ông thờ cúng bà B ở nơi riêng tại nhà 20 T chứ không thờ chung trong nhà thờ tộc Lê của gia đình ông. Việc ông biết là nghe kể lại chứ khi đó ông chưa sinh ra.

Quá trình sinh sống giữa ông Lê V và bà Hồ Thị L có tạo lập được khối tài sản chung là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất là nhà có địa chỉ tại số 58 Đường B, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 582448 do UBND thành phố H cấp ngày 11/8/2005.

Quá trình sinh sống giữa ông Lê V và bà Nguyễn Thị B có tạo lập được khối tài sản chung là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất là nhà có địa chỉ tại số 20 T, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 232066 do UBND thành phố H cấp ngày 28/7/2005.

Về cách chia di sản thừa kế, đồng ý là chia thừa kế thành 15 phần đều nhau cho 15 người hưởng kỷ phần thừa kế gồm: 14 người con và 01 mẹ ruột của ông là bà Châu Thị T.

Về giá trị tài sản chia thừa kế, ông H thống nhất với giá của Hội đồng định giá ngày 31/7/2018. Ông H chỉ thống nhất nhận đất và nhà số 20 T với giá của Hội đồng định giá ngày 31/7/2018 và đồng ý bồi trả giá trị cho các đồng thừa kế. Còn về công sức quản lý, bảo quản đất và nhà tại số 20 T và tại 58 B, phường M, thành phố H, ông H thống nhất như trình bày của bà N là không tính phần công sức quản lý, bảo quản cho ông H và ông T. Về chi phí sửa chữa đối với ngôi nhà số 20 T, thành phố H là ông H sửa chữa hầu như toàn bộ ngôi nhà với chi phí sửa chữa là 275.000.000 đồng. Đối với ngôi nhà số 58 B, phường M, thành phố H do ông T đã sửa chữa với chi phí là 467.000.000 đồng. Ông H đề nghị đối với nhà tại 20 T các anh chị em để lại phần tài sản của bà B để ông thờ cúng bà B, tài sản còn lại của ông V yêu cầu chia theo pháp luật.

Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án, bị đơn ông Lê T trình bày:

Ông thống nhất với trình bày của bị đơn là ông Lê H về số di sản yêu cầu chia thừa kế, về số người được hưởng thừa kế, về cách chia di sản thừa kế là chia thành 15 phần đều nhau cho 15 người hưởng kỷ phần thừa kế gồm: 14 người con và 1 mẹ ruột của ông T là bà Châu Thị T. Và không tính công sức

quản lý, bảo quản di sản cho ông nhưng phải tính chi phí sửa chữa nhà 58 B cho ông là 467.000.000 đồng và ông đồng ý nhận tài sản thừa kế bằng hiện vật theo Theo Chứng thư thẩm định giá ngày 30/12/2020 của Công ty cổ phần tư vấn tài chính và giá cả Quảng Nam đối với nhà và đất tại số 58 B, thành phố H với tổng giá trị là 14.537.688.000 đồng và đồng ý thôi trả giá trị cho các đồng thừa kế.

Quá trình tố tụng, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày ý kiến:

- Ông Lê S, đồng thời đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Bích H, bà Lê Thị L trình bày:

Ông thống nhất với trình bày của của nguyên đơn về số di sản yêu cầu chia thừa kế, về số người được hưởng thừa kế. Cụ thể là: Cha ông là ông Lê V (*chết năm 2006*), mẹ cả (Vợ thứ nhất của ba ông và là mẹ ruột của ông) là bà Hồ Thị L (*chết năm 2007*), mẹ hai là bà Châu Thị T (Vợ thứ hai của ba ông), bà nội là bà Nguyễn Thị B (*chết từ rất lâu*). Ông Lê V, bà Hồ Thị L và Châu Thị T đều sống chung trong 01 nhà, quá trình sống chung ông và các anh chị em đều xem bà Châu Thị T là mẹ và có công nuôi dưỡng và chăm sóc lẫn nhau như mẹ con. Khi bà L và ông V già yếu cũng chính bà T là người chăm sóc và 14 người anh em của ông đều xem bà Hồ Thị L và bà Châu Thị T như mẹ ruột mà không có sự phân biệt và có sự chăm sóc nuôi dưỡng lẫn nhau.

Giữa ông Lê V và bà Hồ Thị L có 08 người con chung, cụ thể là: Bà Lê Thị H, bà Lê Thị T, ông Lê T, bà Lê Thị Bích H, ông Lê S, bà Lê Thị Túy N, bà Lê Thị Cẩm N và bà Lê Thị N Y. Giữa Ông Lê V và bà Châu Thị T có 06 người con chung gồm: Ông Lê H, bà Lê Thị Phi L, ông Lê C, ông Lê T, bà Lê Thị Bích T và ông Lê H. Ngoài ra ông Lê V và bà Hồ Thị L không có con riêng hay con nuôi nào khác. Ông Lê V, bà Hồ Thị L, bà Nguyễn Thị B chết đều không để lại di chúc.

Đối với bà Nguyễn Thị B thì ông S biết bà B là mẹ kế của ông Lê V. Bà B có 01 người con gái thường gọi là Cô M, chết từ lúc nhỏ và không có chồng con. Ông Lê V có 13 người anh chị em nhưng chỉ có ông Lê V xem bà B như mẹ và ngược lại bà B chỉ xem một mình ông Lê V như con. Giữa ông Lê V và bà B có quan hệ chăm sóc nuôi dưỡng lẫn nhau, ở cùng nhau trong 01 nhà, còn các anh chị em của ông V không công nhận bà B là mẹ nên khi còn sống cha ông thờ cúng bà B ở nơi riêng tại nhà số 20 T chứ không thờ chung trong nhà thờ tộc Lê của gia đình ông. Ông Lê V có 13 người anh chị em nhưng ông Lê V là người chết sau cùng và ông cũng không rõ địa chỉ của các anh chị em ông Lê V hiện nay ở đâu.

Về cách chia di sản thừa kế, ông đồng ý chia thành 15 phần đều nhau cho 15 người hưởng kỷ phần thừa kế gồm: 14 người con và 01 mẹ ruột của ông H là bà Châu Thị T. Ông bổ sung thêm là theo di nguyện bằng miệng của ba mẹ ông lúc còn sống là đã giao lại tài sản này cho ông H và ông T quản lý để lo thờ cúng ông bà, cha mẹ. Nên ông không chấp nhận chia thừa kế. Ông không chấp nhận chia thừa kế nên không có ý kiến gì về kết quả định giá. Về các đồng thừa kế, khi cha ông còn sống thì tài sản để lại cho 12 người không có các người con ở nước ngoài, trong đó có bà T nhưng sau này bà T đi nước ngoài nên khi lập Văn bản thỏa thuận để chỉnh lý giấy chứng nhận đất không đưa bà T vào. Ông mong muốn anh em để lại 02 ngôi nhà trên làm nhà thờ cúng ông bà, cha mẹ, hiện nay 14 người con của ông Lê V không ai khó khăn về kinh tế, ai cũng có cuộc sống thoải mái và có nhà riêng.

- Bà Lê Thị H và đại diện theo ủy quyền của bà H là bà Đỗ Lê Kiều O trình bày:

Bà thống nhất với yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn về 02 ngôi nhà và đất, gồm ngôi nhà số 20 T thành phố H là tài sản của ông Lê V với bà Nguyễn Thị B và ngôi nhà số 58 B, thành phố H là tài sản của ông Lê V và bà Hồ Thị L theo thỏa thuận của anh chị em là bán đi để chia. Bà H yêu cầu được nhận phần thừa kế của mình theo pháp luật. Về cách chia di sản thừa kế bà H đồng ý chia thành 16 phần đều nhau cho 16 người hưởng kỷ phần thừa kế gồm: 14 người con chung, 01 người con riêng và 01 mẹ hai là bà Châu Thị T. Về giá trị tài sản bà thống nhất với Chứng thư thẩm định ngày 30/12/2020 của Công ty cổ phần tư vấn tài chính và giá cả Quảng Nam, nếu ông H và ông T không nhận thì giao cho bà N để bà N thôi trả giá trị cho các đồng thừa kế.

- Ông Lê C trình bày: Ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn, thống nhất ông Lê V với bà Hồ Thị L và bà Châu Thị T có 14 người con, lúc nhỏ cùng sinh sống trong một nhà, ông yêu cầu được nhận phần di sản thừa kế của mình theo pháp luật. Về cách chia thừa kế ông thống nhất với đề nghị của bà N là yêu cầu chia thừa kế tài sản của ông Lê V gồm tài sản của ông V trong khối tài sản chung của ông V với bà L và tài sản của ông V và phần tài sản ông V được thừa kế của bà B cho 14 người con và mẹ ông là Châu Thị T, còn phần tài sản của bà L thì chia cho 14 người con, không chia cho bà T.

- Bà Lê Thị N Y trình bày: Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chia thừa kế di sản của cha mẹ và bà nội, thống nhất tài sản của ông Lê V với bà Nguyễn Thị B là ngôi nhà số 20 T, thành phố H và ông Lê V với bà Hồ Thị L có ngôi nhà 58 B, thành phố H, bà yêu cầu chia tài sản thừa kế theo pháp luật.

- Bà Lê Thị Bích T trình bày: Bà yêu cầu được nhận phần di sản thừa kế được chia là 02 ngôi nhà tại số 20 T và 58 B, thành phố H (Ý kiến trên của bà T được gửi đi từ Đan Mạch theo dấu bưu điện trên bì thư).

- Ông Lê H trình bày: Ông không chấp nhận chia thừa kế 02 ngôi nhà là tài sản của cha mẹ và bà nội, ông yêu cầu bảo vệ quyền lợi cho mẹ ông là bà Châu Thị T đang sống trong 02 ngôi nhà trên. Nếu chia tài sản thì phải xem xét đến quyền lợi của mẹ ông vì trong danh sách đồng bị đơn không có tên mẹ ông. (Ý kiến trên của ông H được gửi đi từ Đan Mạch theo dấu bưu điện trên bì thư).

- Bà Lê Thị T (Huỳnh Thị T) trình bày: Bà là con riêng của ông Lê V. Sau khi bà được 04 tuổi thì mẹ bà chết. Lúc đó ông Lê V và bà Hồ Thị L có đem bà về nuôi, nhưng các chị ruột của bà không chịu và ông Lê V có phụ cấp tiền để nuôi bà, khi ông V còn sống. Đến khi ông Lê V chết bà có về phục tang. Bà Hồ Thị L cùng các anh chị em cũng đồng ý ghi tên bà trên bia mộ của ông Lê V. Bà đề nghị được hưởng thừa kế của ông Lê V theo qui định pháp luật.

- Bà V Thị T T và bà Trương Thị Lệ T được Tòa triệu tập đến tham gia các phiên hòa giải và phiên tòa nhưng không đến tham gia và không có ý kiến trình bày.

- UBND thành phố H có văn bản trình bày tại Công văn số 2467/UBND ngày 20/7/2018 với nội dung như sau:

Đối với phần chỉnh lý biến động Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 232066 do UBND thành phố H cấp ngày 28/7/2005 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 582448 do UBND thành phố H cấp ngày 11/8/2005 được UBND căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Văn bản thỏa thuận phân chia thừa kế của những người thừa kế đã được công chứng, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai H thực hiện nội dung điều chỉnh các giấy chứng nhận đất đã cấp là đúng trình tự, thủ tục và đảm bảo quy định của pháp luật.

- Văn Phòng đăng ký đất đai Quảng Nam do ông Trần Văn Cư đại diện có văn bản trình bày tại Công văn số 216/VPĐK ngày 20/6/2018 với nội dung như sau:

Đối với phần chỉnh lý biến động Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 232066 do UBND thành phố H cấp ngày 28/7/2005 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 582448 do UBND thành phố H cấp ngày 11/8/2005 được Văn phòng đăng ký đất đai H căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và văn bản thỏa thuận phân chia thừa kế của những người thừa kế đã công chứng tại Văn phòng công chứng số 02 tỉnh Quảng Nam. Sau khi tiếp nhận hồ

sơ yếu cầu chính lý Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai H thực hiện nội dung điều chỉnh các giấy chứng nhận đất đã cấp là đảm bảo quy định tại điều 129 Luật đất đai năm 2003, khoản 1, Điều 4 Thông tư số 20 ngày 20/10/2010 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường.

- *Phòng Công chứng số 2, tỉnh Quảng Nam:* Phòng Công chứng số 2 là đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam. Hiện nay, Phòng Công chứng số 2 đã bị giải thể theo Quyết định số 4628/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam. Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam là đơn vị quản lý Phòng công Chứng số 2 là người thừa kế quyền và nghĩa vụ của Phòng Công chứng số 2. Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam có Văn bản trả lời số 1021/STP-BTTP ngày 11/10/2018 với nội dung: Theo đề án giải thể thì: Về nhân sự điều động 01 Công chứng viên (Trưởng phòng) về Phòng công chứng số 1, về tài sản thuộc Nhà nước được điều chuyển về Phòng công chứng số 1 để quản lý và bố trí sử dụng. Về hồ sơ lưu trữ thì toàn bộ hồ sơ lưu trữ chuyển về Phòng công chứng số 1 tiếp nhận, quản lý và tiếp tục thực hiện công chứng sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng giao dịch của Phòng công chứng số 2 thực hiện khi có yêu cầu. Hiện nay, Phòng công chứng số 2 là pháp nhân đã giải thể theo quy định tại điều 88, 89, 90, 92, 93 và 96 Bộ luật dân sự 2015 nên chấm dứt tồn tại. Đồng thời theo quy định tại khoản 4 Điều 4; điểm g, khoản 2, Điều 17 Luật công chứng năm 2014 thì Công chứng viên có nghĩa vụ chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước người yêu cầu công chứng về Văn bản công chứng của mình. Phòng công chứng số 1 có Văn bản trả lời số 32 CV/PCC ngày 27/11/2018 với nội dung: Đối với vụ án Phòng công chứng số 1 không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, việc công chứng Văn bản thỏa thuận phân chia thừa kế là đúng theo trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Do bận công tác nên Phòng công chứng số 1 xin được vắng mặt tham dự phiên tòa các cấp cho đến khi phiên tòa kết thúc (Bản án hoặc quyết định có hiệu lực pháp luật) đối với vụ án nêu trên.

Với những nội dung đã xác định nêu trên tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-PT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Áp dụng Điều 26, Điều 34, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Áp dụng Điều 609, 618, 623, 650, 651, 658 và 660 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 203, điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Cẩm N.

- Hủy Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế được công chứng số 1195, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/6/2013 tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh Quảng Nam và hủy phần chỉnh lý biến động về chủ sở hữu được xác lập vào ngày 25/6/2013 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 232066 do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 28/7/2005.

- Hủy Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế được công chứng số 1196, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/6/2013 tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh Quảng Nam và hủy phần chỉnh lý biến động về chủ sở hữu được xác lập vào ngày 25/6/2013 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 582448 do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 11/8/2005.

2. Giao cho ông Lê T được quyền quản lý, sử dụng đất và quyền sở hữu nhà gắn liền trên đất tại thửa đất 256, tờ bản đồ số 12, diện tích đất thực tế 109,2m² (diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 120,9m²), địa chỉ số 58 B, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam được Ủy ban nhân dân thị xã H (nay là thành phố H) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 582448 cho ông Lê V và bà Hồ Thị L vào ngày 11/8/2005, giá trị nhà, đất là 14.537.688.000 đồng

3. Ông Lê T có nghĩa vụ thanh toán cho các đồng thừa kế gồm: Bà Lê Thị Cẩm N, bà Lê Thị H, bà Lê Thị T, ông Lê T, bà Lê Thị Bích H, bà Lê Thị Túy N, bà Lê Thị N Y, bà Lê Thị Phi L, ông Lê C, bà Lê Thị Bích T mỗi người là 1.239.490.400 đồng (Một tỷ hai trăm ba mươi chín triệu bốn trăm chín mươi nghìn bốn trăm đồng), trả cho ông Lê H 240.113.500 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu một trăm mười ba nghìn năm trăm đồng) và trả cho bà Huỳnh Thị T (Lê Thị T) 542.277.000 đồng (Năm trăm bốn mươi hai triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

4. Giao cho ông Lê H và bà Châu Thị T được quyền quản lý, sử dụng đất và quyền sở hữu nhà gắn liền trên đất tại thửa đất số 196, tờ bản đồ số 12, địa chỉ 20 T, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam được Ủy ban nhân dân thị xã H (nay là thành phố H) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 232066 cho ông Lê V và bà Nguyễn Thị B vào ngày 28/7/2005, giá trị nhà, đất là 6.305.952.000 đồng.

5. Ông Lê H và bà Châu Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho các đồng thừa kế gồm: Ông Lê S 1.239.490.400 đồng (Một tỷ hai trăm ba mươi chín triệu bốn trăm chín mươi nghìn bốn trăm đồng) và ông Lê H 999.376.900 đồng (Chín trăm chín mươi chín triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn chín trăm đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần chi phí tố tụng, án phí, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/4/2021 ông Lê T và ông Lê H có đơn kháng cáo đối với toàn bộ Bản án sơ thẩm, lý do kháng cáo ông T, ông H cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm về cả tố tụng và nội dung áp dụng pháp luật, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của hai ông, vì vậy ông T và ông H kháng cáo yêu cầu hủy Bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê H và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T (*đã mất*) giữ nguyên kháng cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông T và ông H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được xem xét, kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm. Xem xét kháng cáo của ông Lê H và Lê T, Hội đồng xét xử xét thấy.

[1] Về tố tụng: Sau khi Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm thì có một số đương sự trong vụ án đã mất, cụ thể nguyên đơn đồng thời là người có đơn kháng cáo ông Lê T đã mất, Tòa án cấp phúc thẩm đã xác định những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T bao gồm bà Trương Thị Lệ T, anh Lê Nguyên Q và anh Lê Nguyên K (vợ và hai con của ông T); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T đã mất gồm Lâm Tường N, Lâm Tường B, Lâm Tường H (các con của bà T); ông Lê C đã mất có bà Lê Thị Ánh L (vợ ông C) tham gia tố tụng. Đây là phiên tòa phúc thẩm mở lần thứ ba, các đương sự khác có văn bản ủy quyền và có đơn xin xét xử vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xem xét về di sản thừa kế, mối quan hệ gia đình, hàng thừa kế, nhận thấy:

- Về di sản thừa kế: Ông Lê V và bà Hồ Thị L có một ngôi nhà đất tại số 58 Đường B, phường M, được cấp GCNQSDĐ số AB 582448 ngày 11/8/2005. Ông V và bà L chết không để lại di chúc, do đó ngôi nhà gắn liền với đất trên là di sản của ông V và bà L để lại được chia thừa kế theo pháp luật. Lúc còn sống ông Lê V còn hưởng thừa kế phần di sản của bà Nguyễn Thị B, được sở hữu ngôi nhà và đất tại số 20 T, thành phố H, được cấp GCNQSDĐ số AC 232066 ngày 28/7/2005, như vậy di sản chia thừa kế được Tòa án cấp sơ thẩm xác định

hai ngôi nhà nêi trên.

- Xem xét mỗi quan hệ gia đình và hàng thừa kế, xét thấy, ông Lê V có 02 người vợ gồm bà Hồ Thị L và bà Châu Thị T, ông V và bà L có 08 người con gồm các ông, bà: Lê Thị H, Lê Thị T, Lê T, Lê Thị Bích H, Lê S, Lê Thị Túy N, Lê Thị Cẩm N và Lê Thị N Y. Giữa ông V với bà T lấy nhau năm 1956, có 06 người con gồm các ông, bà sau: Lê H, Lê Thị Phi L, Lê C, Lê T, Lê Thị Bích T và Lê H, quan hệ hôn nhân của ông V với bà L và bà T có trước Luật hôn nhân và gia đình năm 1959, do vậy được xác định là hợp pháp, ngoài ra, ông V có một người con ngoài giá thú là bà Lê Thị T (tức Huỳnh Thị T), ông V chết năm 2006 nên bà L (chết năm 2007), bà T, các con của bà L, bà T và con riêng của ông V được xác định là hàng thừa kế thứ nhất của ông V.

Theo trình bày của các đương sự lúc còn sống bà L xem các người con của bà T như con đẻ của mình nên đều đề nghị chia phần di sản của bà L cho các con của bà T, do vậy Tòa án cấp sơ thẩm xác định người thừa kế di sản của bà L gồm 14 người con (con bà L và con bà T), người thừa kế của ông V gồm 17 người (14 người con, hai người vợ và một người con riêng của ông V) là có cơ sở.

[2.2]. Xem xét yêu cầu hủy các Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản được công chứng và hủy phần chỉnh lý biến động trong các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xét thấy: Vào ngày 25/6/2013, 11 người con của ông V, bà L và bà Châu Thị T gồm các ông, bà: Lê Thị H, Lê Thị T, Lê T, Lê Thị Bích H, Lê S, Lê Thị Túy N, Lê H, Lê Thị Cẩm N, Lê Thị Phi L, Lê C và Lê T lập Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế, xác định 11 người có quyền thừa kế khối tài sản của ông V, bà L và tài sản của ông V với bà Nguyễn Thị B. Văn bản thỏa thuận trên được công chứng và đã tiến hành đăng ký thay đổi GCNQSDĐ của ông V, bà B và bà L cho 11 người trên. Xét thấy việc thỏa thuận trên của 11 người con của ông V bà L về phân chia tài sản thừa kế trên thiếu 05 người, trong đó có 03 con của ông V, bà L, bà T là: Bà Lê Thị N Y, bà Lê Thị Bích T và ông Lê H, thiếu vợ thứ hai của ông V là bà Châu Thị T và thiếu bà Lê Thị T (con riêng ông V), không có ý kiến của những người trên tại Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của 05 người nêu trên. Do đó, tại Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N hủy các Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản được công chứng và hủy phần chỉnh lý biến động trong các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số AC 232066 ngày 28/7/2005 và số AB 582448 ngày 11/8/2005 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3]. Xem xét yêu cầu chia di sản thừa kế, xét thấy: Như đã xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Lê V nêu trên là 17 người, gồm 14 người con chung, 01 người con riêng và 02 người vợ (bà Châu Thị T và bà Hồ Thị L), hàng thừa kế thứ nhất của bà L là 14 người con. Về giá trị theo Chứng thư thẩm định giá

ngày 30/12/2020 của Công ty cổ phần tư vấn tài chính và giá cả Quảng Nam thì tài sản là ngôi nhà và đất tại số 20 T, thành phố H có giá trị là 6.305.952.750 đồng, nhà và đất tại số 58 B, thành phố H có giá trị là 14.537.688.000 đồng. Tổng giá trị tài sản của 02 ngôi nhà trên là 20.843.640.000 đồng. Trước khi chia thừa kế Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã trích trừ các khoản chi phí sửa chữa nhà số 20 T cho ông Lê H số tiền 275.000.000 đồng và tiền sửa chữa nhà số 58 B cho ông T số tiền 120.900.000 đồng. Như vậy, nhà số 20 T còn lại là 6.030.952.000 đồng, nhà số 58 B còn lại là 14.416.788.000 đồng. Việc thẩm định giá được tiến hành tại thời điểm chia di sản, theo giá thị trường và đều được các đồng thừa kế thống nhất là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về tài sản, theo quy định tại Điều 15, Luật Hôn nhân gia đình năm 1959 thì vợ chồng có quyền sở hữu chung tài sản của nhau, do vậy, nhà đất tại số 20 T là tài sản chung của ông V, bà L và bà T, trị giá còn lại là 6.030.952.000 đồng. Ông V, bà L và bà T, mỗi người được hưởng giá trị 2.010.317.300 đồng ($6.030.952.000 \text{ đồng} : 3 = 2.010.317.300 \text{ đồng}$).

Nhà, đất tại số 58 B ông Lê V được xác định theo phần là: $\frac{1}{2}$ giá trị, tương ứng số tiền 7.208.394.000 đồng, cộng với phần được chia từ tài sản chung 2.010.317.300 đồng = 9.218.711.300 đồng, giá trị này được chia cho 17 người gồm 14 người con chung, 01 người con riêng và 02 người vợ (bà Châu Thị T và bà Hồ Thị L), kỷ phần mỗi người được hưởng là 542.277.000 đồng.

Di sản thừa kế của bà L chết để lại là: $\frac{1}{2}$ nhà, đất tại số 58 B giá trị là 7.208.394.000 đồng, cộng với phần được chia từ tài sản chung 2.010.317.300 đồng và phần bà L được nhận thừa kế từ ông V là 542.277.000 đồng, tổng cộng là 9.760.988.300 đồng được chia cho 14 người con, mỗi người được hưởng là 697.213.400 đồng.

Như vậy, các con của ông V, bà L được hưởng thừa kế tài sản của ông V, bà L mỗi người là 1.239.490.400 đồng.

Bà Châu Thị T được chia từ tài sản chung là 2.010.317.300 đồng và được hưởng thừa kế tài sản của ông V là 542.277.000 đồng, tổng cộng bà Châu Thị T được nhận 2.552.594.300 đồng. Bà Lê Thị T được hưởng thừa kế di sản của ông V là 542.277.000 đồng, việc chia giá trị như đã nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm là phù hợp, đúng pháp luật.

Đối với công sức bảo quản, gìn giữ di sản tại giai đoạn sơ thẩm cũng như giai đoạn phúc thẩm Hội đồng xét xử đều có hỏi và giải thích nhưng ông H, ông T và các người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T không yêu cầu xem xét.

[3] Về giao hiện vật và thanh toán giá trị:

Giao nhà đất tại số 20 T trị giá còn lại là 6.030.952.000 đồng cho ông Lê H và bà Châu Thị T sở hữu. Ông Lê H và bà Châu Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho các đồng thừa kế gồm: Ông Lê S 1.239.490.400 đồng và ông Lê H 999.376.900 đồng.

Giao nhà đất tại số 58 B giá trị còn lại là 14.416.788.000 đồng cho những người thừa kế của ông Lê T gồm bà Trương Thị Lệ T, anh Lê Nguyên Q và anh Lê Nguyên K (vợ và hai con của ông T) đồng sở hữu, bà Trương Thị Lệ T, anh Lê Nguyên Q và anh Lê Nguyên K có trách nhiệm liên đới thanh toán kỹ phần thừa kế cho các đồng thừa kế. Cụ thể, có nghĩa vụ thanh toán cho các đồng thừa kế gồm: Bà Lê Thị Cẩm N, bà Lê Thị H, các con của bà Lê Thị T (đã mất, các con của bà T gồm Lâm Tường N, Lâm Tường B, Lâm Tường H nhận), ông Lê T, bà Lê Thị Bích H, bà Lê Thị Túy N, bà Lê Thị N Y, bà Lê Thị Phi L, bà Lê Thị Ánh L (vợ ông Lê C đã mất), bà Lê Thị Bích T mỗi người là 1.239.490.400 đồng, trả cho ông Lê H 240.113.500 đồng và bà Huỳnh Thị T (Lê Thị T) 542.277.000 đồng. Xét thấy, việc chia di sản, giao hiện vật, thời trả giá trị như đã nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm là đúng quy định tại các Điều 609, 618, 623, 650, 651, 658 và 660 của Bộ luật dân sự 2015.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy tại Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Cẩm N hủy Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế và chia di sản thừa kế là đúng quy định của pháp luật, quá trình giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Lê H và ông Lê T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí thẩm định, định giá và chi phí Ủy thác tư pháp ra nước ngoài giữ nguyên như phần Quyết định của Bản án sơ thẩm.

[5]. Về án phí phúc thẩm, ông Lê H là đối tượng người cao tuổi được miễn án phí, ông Lê T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Lê H và ông Lê T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 609, 618, 623, 650, 651, 658 và 660 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 203, điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Cẩm N.

- Hủy Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế được công chứng số 1195, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/6/2013 tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh Quảng Nam và hủy phần chỉnh lý biến động về chủ sở hữu được xác lập vào ngày 25/6/2013 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 232066 do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 28/7/2005.

- Hủy Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế được công chứng số 1196, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/6/2013 tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh Quảng Nam và hủy phần chỉnh lý biến động về chủ sở hữu được xác lập vào ngày 25/6/2013 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 582448 do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 11/8/2005.

2. Giao cho những người thừa kế của ông Lê T gồm bà Trương Thị Lệ T, anh Lê Nguyên Q và anh Lê Nguyên K (vợ và hai con của ông T) được quyền quản lý, sử dụng đất và quyền sở hữu nhà gắn liền trên đất tại thửa đất 256, tờ bản đồ số 12, diện tích đất thực tế 109,2m² (diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 120,9m²), địa chỉ số 58 B, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam được Ủy ban nhân dân thị xã H (nay là thành phố H) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 582448 cho ông Lê V và bà Hồ Thị L vào ngày 11/8/2005, giá trị nhà, đất là 14.537.688.000 đồng.

3. Bà Trương Thị Lệ T, anh Lê Nguyên Q và anh Lê Nguyên K có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho các đồng thừa kế gồm: Bà Lê Thị Cẩm N, bà Lê Thị H, các con của bà Lê Thị T (đã mất, các con của bà T gồm Lâm Tường N, Lâm Tường B, Lâm Tường H nhận), ông Lê T, bà Lê Thị Bích H, bà Lê Thị Túy N, bà Lê Thị N Y, bà Lê Thị Phi L, bà Lê Thị Ánh L (vợ ông Lê C đã mất) nhận, bà Lê Thị Bích T mỗi người là 1.239.490.400 đồng (*Một tỷ hai trăm ba mươi chín triệu bốn trăm chín mươi nghìn bốn trăm đồng*), trả cho ông Lê H 240.113.500 đồng (*Hai trăm bốn mươi triệu một trăm mười ba nghìn năm trăm đồng*) và trả cho bà Huỳnh Thị T (Lê Thị T) 542.277.000 đồng (*Năm trăm bốn mươi hai triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn đồng*).

4. Giao cho ông Lê H và bà Châu Thị T được quyền quản lý, sử dụng đất và quyền sở hữu nhà gắn liền trên đất tại thửa đất số 196, tờ bản đồ số 12, địa chỉ 20 T, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam được Ủy ban nhân dân thị xã H (nay là thành phố H) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 232066 cho ông Lê V và bà Nguyễn Thị B vào ngày 28/7/2005, giá trị nhà, đất là 6.305.952.000 đồng.

5. Ông Lê H và bà Châu Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho các đồng thừa kế gồm: Ông Lê S 1.239.490.400 đồng (*Một tỷ hai trăm ba mươi chín triệu bốn trăm chín mươi nghìn bốn trăm đồng*) và ông Lê H 999.376.900 đồng (*Chín trăm chín mươi chín triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn chín trăm đồng*).

6. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Các ông bà gồm: Lê Thị Cẩm N, Lê H, Lê Thị T (đã mất), Lê Thị N Y, Lê Thị Túy N, Lê Thị H, Lê Thị Bích H, Lê S, Lê T và Châu Thị T được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho bà Lê Thị Cẩm N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.270.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng số 001133 ngày 08/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự H, tỉnh Quảng Nam.

- Bà Lê Thị Phi L, người thừa kế của ông Lê C (đã mất) là bà Lê Thị Ánh L (vợ ông C), người thừa kế của ông Lê T (đã mất) gồm bà Trương Thị Lệ T, anh Lê Nguyên Q và anh Lê Nguyên K (liên đới chịu), bà Lê Thị Bích T, ông Lê H mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 49.185.000 đồng. Bà Huỳnh Thị T (Lê Thị T) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 25.691.000 đồng.

7. Về chi phí thẩm định, định giá và chi phí Ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Các ông bà gồm: Bà Lê Thị H, bà Lê Thị T (đã mất nên các anh Lâm Tường N, Lâm Tường B, Lâm Tường H (các con của bà T liên đới chịu), ông Lê T, bà Lê Thị Bích H, ông Lê S, bà Lê Thị Túy N, bà Lê Thị N Y, ông Lê H, bà Lê Thị Phi L, ông Lê C (đã mất) bà Lê Thị Ánh L (vợ ông C chịu), ông Lê T (đã mất) bà Trương Thị Lệ T, anh Lê Nguyên Q và anh Lê Nguyên K (liên đới chịu), bà Lê Thị Bích T, ông Lê H, bà Huỳnh Thị T (Lê Thị T) và bà Châu Thị T mỗi người phải hoàn trả cho bà Lê Thị Cẩm N 2.187.500 đồng (*Hai triệu một trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng*).

8. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng Điều 12, Điều 29 Nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14, về án phí, lệ phí Tòa án.

- Ông Lê H là được miễn án phí, ông Lê T phải chịu 300.000 đồng án phí, ông Lê H đã nộp thay ông T, nộp đủ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002645 ngày 04/3/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Thi